

TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM  
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM  
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
HOA TIÊU HÀNG HẢI MIỀN NAM

Số: 03-A/CTHTTHMN-TCKT

V/v niêm yết giá dịch vụ hoa tiêu

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 8 năm 2024

Kính gửi: Quý khách hàng, chủ tàu, đại lý

Thực hiện Nghị định số 146/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về Quy định niêm yết giá, phụ thu ngoài giá dịch vụ vận chuyển hàng hóa container bằng đường biển, giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam.

Công ty TNHH một thành viên Hoa tiêu hàng hải miền Nam đăng ký thông tin và thực hiện niêm yết giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải như sau (kèm theo Bảng niêm yết giá):

- Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH một thành viên Hoa tiêu hàng hải miền Nam.

- Địa chỉ giao dịch: số 45 ABCD Đinh Tiên Hoàng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.

- Số điện thoại: 028.39101345 / 028.39404152 Hotline: 0971.410499

- Số fax: 028.39404422

- Địa chỉ trang thông tin điện tử của doanh nghiệp: [www.pilotcosouth.com](http://www.pilotcosouth.com)

- Địa chỉ email: [pilotcosouth@pilotcosouth.vn](mailto:pilotcosouth@pilotcosouth.vn)

Mức giá niêm yết thực hiện từ ngày 06/8/2024.

Công ty TNHH một thành viên Hoa tiêu hàng hải miền Nam xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Tổng Cty BĐATHHMN (để b/c);
- Chủ tịch Cty (để b/c);
- Kiểm soát viên Cty;
- Ban Giám đốc Cty;
- Lưu: VT, TCKT.



Nguyễn Văn Thọ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 8 năm 2024

## BẢNG NIÊM YẾT GIÁ

(Ban hành kèm theo Công văn số 03-A/CTHTHHMN-TCKT ngày 06 tháng 8 năm 2024 của Công ty TNHH một thành viên hoa tiêu hàng hải miền Nam)

### I. Mức giá niêm yết

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Qui cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá niêm yết hiện hành (đã bao gồm thuế GTGT 8%)	Mức giá niêm yết mới (đã bao gồm thuế GTGT 8%)	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)
<b>1</b>	<b>Dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động hàng hải nội địa</b>					
1.1	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại tuyến dẫn tàu: Thị Vải (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu).  - Tính theo đơn giá - Tính theo lượt dẫn tàu	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	Đồng/GT/HL Đồng/lượt	43,20 2.160.000	43,20 2.160.000	Không Không
1.2	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền di chuyển trong cảng có sử dụng dịch vụ hoa tiêu mà khoảng cách dẫn tàu dưới 05 hải lý.  - Tính theo đơn giá - Tính theo lượt dẫn tàu	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	Đồng/GT Đồng/lượt	64,80 2.160.000	64,80 2.160.000	Không Không
1.3	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với các loại tàu thuyền trên các tuyến còn lại.  - Tính theo đơn giá - Tính theo lượt dẫn tàu	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	Đồng/GT/HL Đồng/lượt	27 2.160.000	27 2.160.000	Không Không



STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Qui cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá niêm yết hiện hành (đã bao gồm thuế GTGT 8%)	Mức giá niêm yết mới (đã bao gồm thuế GTGT 8%)	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)
1.4	Hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu mà thời gian báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến dưới 03 giờ, người yêu cầu hoa tiêu phải trả tiền chờ đợi: - Hoa tiêu - Hoa tiêu và phương tiện + Hoa tiêu chưa xuất phát: tính 01 giờ. + Hoa tiêu đã rời vị trí xuất phát: thời gian chờ đợi tính từ lúc xuất phát đến khi hoa tiêu trở về vị trí ban đầu, thời gian chờ đợi trong trường hợp này được tính tối thiểu là 01 giờ. + Hoa tiêu đã hoàn thành việc dẫn tàu, nếu thuyền trưởng vẫn giữ hoa tiêu lại sẽ tính thêm tiền chờ đợi theo số giờ giữ lại.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	Đồng/giờ/người  Đồng/giờ/người và phương tiện	32.400  216.000	32.400  216.000	Không  Không
1.5	Hủy bỏ yêu cầu dịch vụ hoa tiêu sau khi hoa tiêu đã chờ đợi tại địa điểm yêu cầu dịch vụ hoa tiêu quá 04 giờ	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	Đồng/GT/HL	80% giá quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3	80% giá quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3	Không
1.6	Hoa tiêu đã lên tàu mà người yêu cầu hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	Đồng/GT/HL	80% giá quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3	80% giá quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3	Không
1.7	Tàu thuyền có hành trình để thử máy móc, thiết bị hiệu chỉnh la bàn.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	Đồng/GT/HL	110% giá quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3	110% giá quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3	Không
1.8	Tàu thuyền không tự vận hành được vì lý do sự cố kỹ thuật mà phải sử dụng tàu lai.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	Đồng/GT/HL	150% giá quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3	150% giá quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3	Không
1.9	Tàu thuyền yêu cầu hoa tiêu đột xuất.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	Đồng/GT/HL	110% giá quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3	110% mức giá quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3	Không

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Qui cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá niêm yết hiện hành (đã bao gồm thuế GTGT 8%)	Mức giá niêm yết mới (đã bao gồm thuế GTGT 8%)	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)
1.10	Hoa tiêu đã lên tàu nhưng tàu thuyền không vận hành được vì lý do bất khả kháng, có xác nhận của cảng vụ hàng hải.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	Đồng/lượt	2.160.000	2.160.000	Không
1.11	Tàu thuyền không tới thẳng cảng đến mà yêu cầu neo lại dọc đường (trừ các tuyến không được chạy đêm) người yêu cầu hoa tiêu phải trả chi phí phương tiện phát sinh thêm trong việc đưa đón hoa tiêu.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	Đồng/tàu/lượt	324.000	324.000	Không
1.12	Tàu thuyền phải dịch chuyển giữa các cầu cảng trong phạm vi bến cảng theo yêu cầu của giám đốc doanh nghiệp cảng	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	Đồng/GT	64,80	64,80	Không
<b>2</b>	<b>Dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động hàng hải quốc tế</b>					
2.1	Dịch vụ hoa tiêu áp dụng đối với tàu thuyền có tổng dung tích dưới 200 GT (kể cả tàu đánh bắt cá)	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	USD/lượt	43,20	43,20	Không
2.2	Dịch vụ hoa tiêu áp dụng đối với tàu thuyền di chuyển trong cảng mà khoảng cách dẫn tàu dưới 05 hải lý. - Tính theo đơn giá - Tính theo lượt dẫn tàu	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	USD/GT	0,0162	0,0162	Không
			USD/lượt	108	108	Không
2.3	Đối với các trường hợp sử dụng dịch vụ hoa tiêu ngoài các trường hợp trên, giá dịch vụ hoa tiêu được tính như sau: - Tính theo đơn giá + Phần khoảng cách đến 10 hải lý + Phần khoảng cách trên 10 hải lý đến 30 hải lý + Phần khoảng cách trên Trên 30 hải lý - Tính theo lượt dẫn tàu	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	USD/GT/HL	0,00367	0,00367	Không
				0,00238	0,00238	Không
				0,00162	0,00162	Không
			USD/lượt	324	324	Không

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Qui cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá niêm yết hiện hành (đã bao gồm thuế GTGT 8%)	Mức giá niêm yết mới (đã bao gồm thuế GTGT 8%)	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)
2.4	Đối với các trường hợp sử dụng dịch vụ hoa tiêu hàng hải quy định tại điểm 2.3 khoản 2 của bảng niêm yết giá này, tàu thuyền có dung tích từ 80.000 GT trở lên (không áp dụng đối với tàu khách và tàu hàng lỏng) hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, trung chuyển, giá dịch vụ hoa tiêu được tính như sau:					
a	Phần dung tích trên 80.000 GT đến 120.000 GT	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	USD/GT/HL	50% giá quy định tại điểm 2.3 khoản 2	50% giá quy định tại điểm 2.3 khoản 2	
b	Phần dung tích trên 120.000GT đến 160.000 GT	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	USD/GT/HL	40% giá quy định tại điểm 2.3 khoản 2	40% giá quy định tại điểm 2.3 khoản 2	
c	Phần dung tích trên 160.000 GT trở lên	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	USD/GT/HL	30% giá quy định tại điểm 2.3 khoản 2	30% giá quy định tại điểm 2.3 khoản 2	
2.5	Hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu mà thời gian báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến dưới 03 giờ, người vận chuyển phải trả tiền chờ đợi: - Hoa tiêu - Hoa tiêu và phương tiện  + Hoa tiêu chưa rời vị trí xuất phát: Tính là 01 giờ. + Hoa tiêu đã rời vị trí xuất phát: thời gian chờ đợi tính từ lúc xuất phát đến khi hoa tiêu trở về vị trí ban đầu, thời gian chờ đợi trong trường hợp này được tính tối thiểu là 01 giờ. + Hoa tiêu đã hoàn thành việc dẫn tàu, nếu thuyền trưởng vẫn giữ hoa tiêu lại sẽ tính thêm tiền chờ đợi theo số giờ giữ lại thực tế.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	USD/giờ/người USD/giờ/người và phương tiện	10,8 21,6	10,8 21,6	Không Không
2.6	Hủy bỏ yêu cầu dịch vụ hoa tiêu sau khi hoa tiêu đã chờ đợi tại địa điểm yêu cầu dịch vụ hoa tiêu quá 04 giờ.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	USD/GT/HL	80% giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3	80% giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3	Không

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Qui cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá niêm yết hiện hành (đã bao gồm thuế GTGT 8%)	Mức giá niêm yết mới (đã bao gồm thuế GTGT 8%)	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)
2.7	Hoa tiêu đã lên tàu mà người yêu cầu hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	USD/GT/HL	80% giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3	80% giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3	Không
2.8	Tàu thuyền có hành trình để thử máy móc, thiết bị hiệu chỉnh la bàn.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	USD/GT/HL	110% giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3	110% giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3	Không
2.9	Tàu thuyền không tự vận hành được vì lý do sự cố kỹ thuật mà phải sử dụng tàu lai.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	USD/GT/HL	150% giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3	150% giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3	Không
2.10	Tàu thuyền yêu cầu hoa tiêu đột xuất.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	USD/GT/HL	110% giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3	110% giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3	Không
2.11	Hoa tiêu đã lên tàu nhưng tàu thuyền không vận hành được vì lý do bất khả kháng, có xác nhận của cảng vụ hàng hải.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	USD/lượt	324	324	Không
2.12	Tàu thuyền không tới thẳng cảng đến mà yêu cầu neo lại dọc đường (trừ các tuyến không được chạy đêm) người yêu cầu hoa tiêu phải trả chi phí phương tiện phát sinh thêm trong việc đưa đón hoa tiêu.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	USD/tàu/lượt	32,4	32,4	Không
2.13	Tàu thuyền phải dịch chuyển giữa các cầu cảng trong phạm vi bến cảng theo yêu cầu của giám đốc doanh nghiệp cảng.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 4235/1.21.31	USD/GT	0,0162	0,0162	Không

## II. Phân tích nguyên nhân, nêu rõ biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá dịch vụ thực hiện niêm yết giá.

Từ ngày 06/8/2024, Công ty TNHH một thành viên hoa tiêu hàng hải miền Nam thực hiện thu giá dịch vụ hoa tiêu theo Thông tư số 12/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc quy định cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam và Quyết định 814/QĐ-BGTVT ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại cảng biển Việt Nam.

Công ty TNHH một thành viên hoa tiêu hàng hải miền Nam thực hiện niêm yết giá không có biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá dịch vụ, Công ty thực hiện niêm yết lại giá dịch vụ hoa tiêu theo quy định tại Thông tư số 12/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 5 năm 2024 và Quyết định 814/QĐ-BGTVT ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2024, thay thế Thông tư số 39/2023/TT-BGTVT ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Bộ Giao thông vận tải.

### **III. Các trường hợp ưu đãi, giảm giá hoặc chiết khấu đối với các đối tượng khách hàng.**

Mức giá niêm yết thực hiện từ ngày 06/8/2024 theo quy định tại Thông tư số 12/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải và Quyết định 814/QĐ-BGTVT ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải. Các trường hợp tính giá cụ thể được áp dụng theo Điều 8 Thông tư số 12/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải và Điều 5 Quyết định 814/QĐ-BGTVT ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải, cụ thể như sau:

1. Đối với tàu thuyền chở hàng lỏng: dung tích toàn phần tính bằng 85% GT lớn nhất ghi trong giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu thuyền theo quy định, không phân biệt tàu có hay không có các két nước dằn.
2. Đối với tàu thuyền chở khách: dung tích toàn phần tính bằng 50% GT lớn nhất ghi trong giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu thuyền theo quy định.
3. Đối với các trường hợp sử dụng dịch vụ hoa tiêu hàng hải quy định tại khoản 2 bảng niêm yết giá này, tàu thuyền có dung tích từ 80.000 GT trở lên (không áp dụng đối với tàu khách và tàu hàng lỏng), hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, trung chuyển, giá dịch vụ hoa tiêu được tính như sau:
  - a) Phần dung tích trên 80.000 GT đến 120.000 GT, áp dụng giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải bằng 50% quy định tại điểm 2.3 khoản 2 mục I bảng niêm yết giá này.
  - b) Phần dung tích trên 120.000 GT đến 160.000 GT, áp dụng giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải bằng 40% quy định tại điểm 2.3 khoản 2 mục I bảng niêm yết giá này.
  - c) Phần dung tích trên 160.000 GT trở lên, áp dụng giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải bằng 30% quy định tại điểm 2.3 khoản 2 mục I bảng niêm yết giá này.
4. Tàu thuyền (trừ tàu thuyền chở khách) vào, rời một khu vực hàng hải tối thiểu 04 chuyến/tháng/khu vực hàng hải trở lên, thì từ chuyến thứ tư trở đi của tàu này trong tháng, áp dụng bằng 80% giá quy định trong bảng niêm yết giá này hoặc áp dụng bằng 2.160.000 đồng đối với tàu hoạt động nội địa và 324 USD đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế.
5. Tàu thuyền chở khách vào, rời khu vực hàng hải tối thiểu 04 chuyến/tháng/khu vực hàng hải, từ chuyến thứ tư trở đi của tàu này trong tháng, áp dụng bằng 50% giá quy định trong bảng niêm yết giá này hoặc áp dụng bằng 2.160.000 đồng đối với tàu hoạt động nội địa và 324 USD đối với tàu hoạt động quốc tế.
6. Tàu thuyền chở khách hoạt động quốc tế có dung tích toàn phần từ 50.000 GT trở lên vào, rời một khu vực hàng hải, áp dụng bằng 40% giá quy định tại khoản 2, Mục I bảng niêm yết giá này hoặc áp dụng bằng 324 USD.
7. Tàu thuyền hoạt động vào, rời khu vực hàng hải lấy nhiên liệu, thực phẩm, nước ngọt, thay đổi thuyền viên, sửa chữa, phá dỡ hoặc chạy thử sau khi sửa chữa hoặc đóng mới mà không bốc dỡ hàng hoá, không đón, trả khách, áp dụng bằng 70% giá quy định trong bảng niêm yết giá này.

